

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/06/2026

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch - Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 21/04/2026)
Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch - Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/04/2026)
Bà Nguyễn Hồ Nga	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này là Bà Nguyễn Hồ Nga - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi - Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Nga

Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



MEMBER OF THE HLB GROUP
THE GLOBAL LEADERSHIP AND ACCOUNTING ASSOCIATION

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		62.543.316.503	8.917.438.116
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.733.985.231	6.932.406.832
111	1. Tiền		1.932.813.998	1.913.211.627
112	2. Các khoản tương đương tiền		801.171.233	5.019.195.205
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8	36.993.480.456	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		37.914.685.167	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(921.204.711)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.734.829.879	1.814.578.607
132	1. Trả trước cho người bán	4	27.118.468	27.000.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	669.488.400	1.784.251.107
135	3. Các khoản phải thu khác	6	22.038.223.011	3.327.500
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		81.020.937	170.452.677
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	81.020.937	170.452.677
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.377.488.683	20.904.911.902
220	I Tài sản cố định		2.835.864.905	2.948.584.175
227	1. Tài sản cố định vô hình	9	2.835.864.905	2.948.584.175
228	- Nguyên giá		3.408.600.000	3.408.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(572.735.095)	(460.015.825)
250	II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	18.464.049.109	17.854.848.279
258	1. Đầu tư dài hạn khác		19.800.000.000	19.800.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.335.950.891)	(1.945.151.721)
260	III Tài sản dài hạn khác		77.574.669	101.479.448
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	77.574.669	101.479.448
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.920.805.186	29.822.350.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.734.770.627	1.263.469.950
310	I. Nợ ngắn hạn		1.734.770.627	1.263.469.950
312	1. Phải trả người bán	10	754.526	582.250.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.333.572.725	127.920.868
315	3. Phải trả người lao động		354.189.025	498.385.592
316	4. Chi phí phải trả		28.254.351	54.913.490
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	18.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	82.186.034.559	28.558.880.068
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	50.000.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17.813.965.441)	(21.441.119.932)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.920.805.186	29.822.350.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		24.309.500.000	9.800.000.000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		24.309.500.000	9.800.000.000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		10.000.000.000	10.000.000.000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	15	-	3.721.440.207
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	3.721.440.207
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	16	-	506.408.160.000
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	506.408.160.000
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	17	-	1.320.235.652


Đỗ Thị Phương Lan
Người lập


Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hà Nga
Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu	18	6.502.435.482	2.652.371.259
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		6.502.435.482	2.652.371.259
20	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	19	963.961.811	1.146.353.513
24	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		5.538.473.671	1.506.017.746
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.855.534.202	116.938.327
22	7. Chi phí tài chính	21	1.198.856.556	142.397.153
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.567.996.826	2.423.890.922
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.627.154.491	(943.332.002)
31	10. Thu nhập khác		-	577.500
32	11. Chi phí khác		-	32.037.405
40	12. Lợi nhuận khác		-	(31.459.905)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.627.154.491	(974.791.907)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.627.154.491	(974.791.907)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	440	(195)

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.627.154.491	(974.791.907)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		112.719.270	(79.026.197)
03	- Các khoản dự phòng		312.003.881	20.119.526
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(578.339.956)	(10.027.252)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.473.537.686	(1.043.725.830)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.548.155.119)	116.389.507
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(37.914.685.167)	3.939.018.777
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		471.300.677	(807.669.604)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		113.336.519	44.358.868
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(54.404.665.404)	2.248.371.718
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		206.243.803	1.387.252
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		206.243.803	1.387.252
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		50.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.198.421.601)	2.249.758.970
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	6.932.406.832	2.666.268.764
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	2.733.985.231	4.916.027.734

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

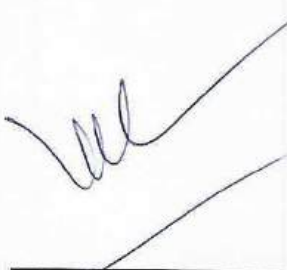
Nguyễn Hồ Nga
Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Kỳ này	Thuyết minh	Số đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000	-	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.441.119.932)	3.627.154.491	-	(17.813.965.441)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	28.558.880.068	53.627.154.491	-	82.186.034.559
Kỳ trước	Thuyết minh	Số đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.556.519.434)	-	(974.791.907)	(22.531.311.341)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	28.443.480.566	-	(974.791.907)	27.468.688.659


Đỗ Thị Phương Lan
Người lập


Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồ Nga
Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 15 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty Quản lý Quỹ LPB đang thực hiện quản lý 03 quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1, Quỹ đầu tư trái phiếu LP (trước là Quỹ Đầu tư Gia tăng Giá trị GFM (GFM - VIF)) và Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF).

1.3 . Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty tiếp tục gia tăng doanh thu ở mảng quản lý danh mục đầu tư, dẫn đến doanh thu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Việc cơ cấu lại danh mục đầu tư tự doanh cũng mang đến khoản lãi tương đối cho Công ty trong kỳ kế toán này. Do đó, lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức 3,63 tỷ VND, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng đại diện	Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Phân loại và dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm quản lý, website	05 - 15	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03	năm

2.9 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước là phí dịch vụ viễn thông, thuê văn phòng, phí bảo hiểm, phí duy trì tên miền, website,... được ghi nhận theo chi phí ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo thời hạn trong hợp đồng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Phí quản lý quỹ, phí kiểm toán, các khoản phí khác... Các khoản chi phí phải trả này được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2.18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này;
- Các tổ chức, cá nhân khác được xác định là bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.932.813.998	1.913.211.627
Các khoản tương đương tiền	801.171.233	5.019.195.205
	2.733.985.231	6.932.406.832

Thông tin chi tiết về các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2026 như sau:

	Giá trị VND
Tiền gửi không kỳ hạn	
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long	1.921.279.073
- Các ngân hàng khác	11.534.925
	1.932.813.998

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Giá trị VND
Các khoản tương đương tiền			
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long	1 tháng	4,75%	801.171.233
			801.171.233

4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	27.000.000	27.000.000
Trả trước cho người bán khác	118.468	-
	27.118.468	27.000.000

5 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung		
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	1.289.538.732
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	669.488.400	494.712.375
	669.488.400	1.784.251.107
Trong đó: Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan	669.488.400	494.712.375
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)</i>		

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung		
Phải thu lãi trái phiếu	300.120.125	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	3.300.000	3.300.000
Phải thu cổ tức được nhận	90.000.000	-
Tiền gửi tài khoản chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	21.643.940.430	-
Phải thu khác	862.456	27.500
	22.038.223.011	3.327.500
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	21.643.940.430	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)</i>		

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí cước dịch vụ viễn thông	39.600.000	39.600.000
Chi phí thuê văn phòng	-	1.210.000
Chi phí chỉnh sửa thương hiệu Website Quỹ	-	80.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	41.420.937	49.642.677
	81.020.937	170.452.677
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.686.943	21.115.488
Chi phí trả trước dài hạn khác	66.887.726	80.363.960
	77.574.669	101.479.448

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tổng giá trị thị trường		Dự phòng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn								
Cổ phiếu niêm yết ⁽¹⁾			28.884.406.600	-	28.174.610.000	-	(921.204.711)	-
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	24.150	-	3.254.030.000	-	2.898.000.000	-	(356.030.000)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	48.100	-	3.939.816.327	-	3.756.610.000	-	(183.206.327)	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	140.000	-	5.899.491.889	-	5.936.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần FPT	20.000	-	1.474.990.000	-	1.404.000.000	-	(70.990.000)	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	250.000	-	6.060.039.776	-	5.825.000.000	-	(235.039.776)	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	30.000	-	2.238.938.608	-	2.163.000.000	-	(75.938.608)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng	36.000	-	6.017.100.000	-	6.192.000.000	-	-	-
Trái phiếu niêm yết ⁽²⁾			9.030.278.567	-	9.052.023.107	-	-	-
- Trái phiếu VIC124003	41.590	-	4.162.534.450	-	4.170.384.431	-	-	-
- Trái phiếu VIC124005	48.680	-	4.867.744.117	-	4.881.638.676	-	-	-
			37.914.685.167	-	37.226.633.107	-	(921.204.711)	-

(1) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(2) Giá trị thị trường của trái phiếu niêm yết được xác định theo giá giao dịch gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 30/06/2026 như sau:

- Trái phiếu VIC124003
- + Tổ chức phát hành: Tập đoàn Vingroup - CTCP;
- + Kỳ hạn: 03 năm; Ngày đáo hạn: 24/01/2027;
- + Lãi suất kỳ trả lãi hiện tại: 9,7%.

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 30/06/2026 như sau: (tiếp)

- Trái phiếu VIC124005;
- Tổ chức phát hành: Tập đoàn Vingroup - CTCP;
- Kỳ hạn: 03 năm; Ngày đáo hạn: 26/03/2027;
- Lãi suất kỳ trả lãi hiện tại: 9,175%.

b) Dài hạn

	Số lượng		Tỷ lệ đầu tư (%)		Giá trị theo sổ kế toán		Tổng giá trị theo giá thị trường (*)		Dự phòng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
					VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 ⁽¹⁾	1.000.000	1.000.000	20,00%	20,00%	10.000.000.000	10.000.000.000	8.664.049.109	8.054.848.279	(1.335.950.891)	(1.945.151.721)
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư trái phiếu LP ⁽²⁾	980.000	980.000	9,67%	9,67%	9.800.000.000	9.800.000.000	10.489.302.600	10.085.307.400	-	-
	1.980.000	1.980.000	29,67%	29,67%	19.800.000.000	19.800.000.000	19.153.351.709	18.140.155.679	(1.335.950.891)	(1.945.151.721)

Ghi chú:

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ được xác định theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

⁽¹⁾ Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025 và ngày 30/06/2026 lần lượt là 8.054,85 VND/chứng chỉ quỹ và 8.664,05 VND/chứng chỉ quỹ.

⁽²⁾ Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư trái phiếu LP phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025 và ngày 30/06/2026 lần lượt là 10.291,13 VND/chứng chỉ quỹ và 10.703,37 VND/chứng chỉ quỹ.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2026	3.378.600.000	30.000.000	3.408.600.000
Tại ngày 30/06/2026	3.378.600.000	30.000.000	3.408.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2026	457.515.825	2.500.000	460.015.825
Khấu hao trong kỳ	109.719.270	3.000.000	112.719.270
Tại ngày 30/06/2026	567.235.095	5.500.000	572.735.095
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	2.921.084.175	27.500.000	2.948.584.175
Tại ngày 30/06/2026	2.811.364.905	24.500.000	2.835.864.905

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.500.000 VND.

Chi tiết các tài sản cố định vô hình tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế cuối kỳ	Giá trị còn lại cuối kỳ
- Phần mềm ứng dụng	3.215.000.000	469.151.849	2.745.848.151
- Các tài sản khác	193.600.000	103.583.246	90.016.754

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	582.250.000
Các khoản phải trả người bán khác	754.526	-
	754.526	582.250.000

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	1.333.572.725	127.920.868
	1.333.572.725	127.920.868

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị	18.000.000	-
	18.000.000	-

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Kỳ trước			
Số đầu năm	50.000.000.000	(21.556.519.434)	28.443.480.566
Lũ trong kỳ	-	(974.791.907)	(974.791.907)
Số cuối kỳ	50.000.000.000	(22.531.311.341)	27.468.688.659
Kỳ này			
Số đầu năm	50.000.000.000	(21.441.119.932)	28.558.880.068
Tăng vốn (*)	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	3.627.154.491	3.627.154.491
Số cuối kỳ	100.000.000.000	(17.813.965.441)	82.186.034.559

(*) Nghị quyết số 08/2026/LPBA/NQ-HĐQT ngày 25/02/2026 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ LPB;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Tổng số lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu;
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Tổng số cổ phiếu được phân phối thành công: 5.000.000 cổ phiếu;
- Ngày hoàn thành: 25/02/2026;
- Tổng số cổ phiếu sau đợt chào bán: 10.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số vốn điều lệ sau đợt chào bán: 100.000.000.000 VND;
- Tình hình sử dụng vốn: Toàn bộ số vốn được chào bán đã được chuyển vào tài khoản tại Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank để phục vụ cho mục đích đầu tư tự doanh. Tại ngày 30/06/2026, số dư tài khoản tại Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank là 21.643.940.430 VND.

Ngày 26/03/2026, Công ty đã hoàn thành thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13, thay đổi vốn điều lệ thành 100.000.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thái Holdings	15,00	15.000.000.000	15,00	7.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Vui	81,28	81.276.000.000	81,28	40.638.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	3,72	3.724.000.000	3,72	1.862.000.000
	100,00	100.000.000.000	100,00	50.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	50.000.000.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

14 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2026, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	-	3.300.000

15 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.721.440.207	28.046.812
Số tăng trong kỳ	550.702.585.266	48.170.931.105
Số giảm trong kỳ	(554.424.025.473)	(48.198.977.917)
Số dư cuối kỳ	-	-

16 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	-	506.408.160.000
- Chứng khoán niêm yết	-	506.408.160.000
	-	506.408.160.000

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	-	1.289.538.732
Phải trả khác	-	30.696.920
	-	1.320.235.652

18 . DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	2.162.893	276.145.005
Doanh thu hoạt động quản lý tài khoản đầu tư	6.500.272.589	1.176.226.254
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	-	1.200.000.000
	6.502.435.482	2.652.371.259
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)	1.221.016.806	1.214.232.948

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh	963.961.811	1.146.353.513
	963.961.811	1.146.353.513

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.001.108	13.343.056
Lãi trái phiếu	344.338.848	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.000.000	25.800.000
Lãi bán các loại chứng khoán	1.277.194.246	77.795.271
	1.855.534.202	116.938.327

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lỗ bán các loại chứng khoán	645.927.646	119.764.300
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	312.003.881	20.119.526
Chi phí tài chính khác	240.925.029	2.513.327
	1.198.856.556	142.397.153

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.051.259.828	1.709.399.479
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.264.921	27.434.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.000.000	10.709.876
Thuế, phí và lệ phí	4.095.785	18.734.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.457.712	219.113.338
Chi phí khác bằng tiền	359.918.580	438.499.498
	2.567.996.826	2.423.890.922

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.627.154.491	(974.791.907)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.086.601
- Chi phí không hợp lệ	-	3.086.601
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.627.154.491)	(25.800.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(210.000.000)	(25.800.000)
- Chuyển lỗ các kỳ trước	(3.417.154.491)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(997.505.306)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến 30/06/2026	Số lỗ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2021	Chưa thanh tra	-	-	-
2022	Chưa thanh tra	10.837.804.505	3.417.154.491	7.420.650.014
2023	Chưa thanh tra	4.662.806.005	-	4.662.806.005
2024	Chưa thanh tra	-	-	-
2025	Chưa thanh tra	-	-	-
		15.500.610.510	3.417.154.491	12.083.456.019

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán kỳ này.

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	3.627.154.491	(974.791.907)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.627.154.491	(974.791.907)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.250.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	440	(195)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:

Tính đến ngày 30/06/2026, Công ty đang không thực hiện các Hợp đồng quản lý tiền và danh mục đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác.

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán

Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 03 quỹ.

Quỹ đầu tư Giá trị GFM1: Tại ngày 30/06/2026, số lượng chứng chỉ quỹ GFM1 đang lưu hành là 5.000.000, tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 43.320.245.547 VND. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 30/06/2026 là 8.664,05 VND.

Quỹ đầu tư Trái phiếu LP: Tại ngày 30/06/2026, số lượng chứng chỉ quỹ LPBF đang lưu hành là 10.162.294,97 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 108.770.753.212 VND. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 30/06/2026 là 10.703,37 VND.

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP: Tại ngày 30/06/2026, số lượng chứng chỉ quỹ LPLF đang lưu hành là 5.049.998,14 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 49.174.085.488 VND. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 30/06/2026 là 9.737,44 VND.

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số cuối kỳ				
Đầu tư ngắn hạn	36.993.480.456	-	-	36.993.480.456
Đầu tư dài hạn	-	-	18.464.049.109	18.464.049.109
	<u>36.993.480.456</u>	<u>-</u>	<u>18.464.049.109</u>	<u>55.457.529.565</u>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số đầu năm				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	17.854.848.279	17.854.848.279
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.854.848.279</u>	<u>17.854.848.279</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.733.985.231	-	-	2.733.985.231
Phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	22.734.829.879	-	-	22.734.829.879
	25.468.815.110	-	-	25.468.815.110

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.932.406.832	-	-	6.932.406.832
Phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	1.814.578.607	-	-	1.814.578.607
	8.746.985.439	-	-	8.746.985.439

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán, phải trả khác	18.754.526	-	-	18.754.526
Chi phí phải trả	28.254.351	-	-	28.254.351
	47.008.877	-	-	47.008.877

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	582.250.000	-	-	582.250.000
Chi phí phải trả	54.913.490	-	-	54.913.490
	637.163.490	-	-	637.163.490

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	Quỹ thành viên do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu (LPLF)	Quỹ mở do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)	Quỹ mở do Công ty quản lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan của họ	

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	1.218.853.913	938.087.943
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	455.321.646	516.234.538
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu (LPLF)	131.682.506	-
Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)	631.849.761	421.853.405
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	2.162.893	276.145.005
Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)	690.432	276.145.005
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu (LPLF)	1.472.461	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư dài hạn theo mệnh giá	19.800.000.000	19.800.000.000
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	10.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)	9.800.000.000	9.800.000.000
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	669.488.400	494.712.375
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	215.144.937	205.366.332
Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)	321.188.496	289.346.043
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu (LPLF)	133.154.967	-
Phải thu khác	21.643.940.430	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	21.643.940.430	-
Phải trả, phải nộp khác	18.000.000	-
Nguyễn Hồ Nga	5.000.000	-
Trần Thị Thu Hường	5.000.000	-
Nguyễn Duy Khoa	8.000.000	-

Ngày 15/07/2025, Công ty ký thỏa thuận ba bên với Công ty Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Hà Nội và bên cho thuê về việc sử dụng văn phòng. Công ty được bên cho thuê và Công ty Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Hà Nội đồng ý cho sử dụng không thu phí 50m² tại tầng 2 LPB Tower làm trụ sở, văn phòng làm việc từ 01/08/2025 đến 31/07/2026. Chi phí thuê văn phòng ước tính đơn giá là 400.000 VND/m²/tháng tương ứng 21.250.000 VND/ tháng.

Tổng thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng như sau:

<u>Hội đồng quản trị</u>	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Nga	29.090.909	-
Ông Nguyễn Duy Khoa	18.909.091	-
Bà Nguyễn Hồ Nga	30.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hường	30.000.000	-
Ông Nguyễn Hải Long	-	30.000.000
Ông Vũ Quang Vịnh	-	42.000.000
Ban Tổng Giám Đốc	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Bà Nguyễn Hồ Nga	963.700.000	39.999.999
Bà Dương Hồng Trang	-	307.582.792
Bà Thiều Mai Hương	-	100.307.401

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

30 . THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trong Báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là thông tin của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Các thông tin này đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh 2.3, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99/2025/TT-BTC từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Kết quả là việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính thay đổi. Một số số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được phân loại lại để phù hợp với yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 99. Chi tiết xem tại Phụ lục số 01.



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Người đại diện pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

PHỤ LỤC 1 - THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025			Số liệu điều chỉnh phù hợp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Khoản mục	Số tiền VND	Mã số	Khoản mục	Số tiền VND	
Bảng Cân đối kế toán			Bảng Cân đối kế toán			
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.913.211.627	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.932.406.832	
112	1. Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	112	1. Các khoản tương đương tiền	5.019.195.205	Trình bày lại
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.833.773.812	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.814.578.607	
135	1. Phải thu ngắn hạn khác	22.522.705	135	1. Phải thu ngắn hạn khác	3.327.500	Trình bày lại



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ LPB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 209 /2026/LPBA/CV

TP Hà Nội, ngày 13 ngày 08 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch từ 10% trở lên của
LNST Bán niên năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Vụ Quản lý các Công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán.

- Căn cứ khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần quản lý quỹ LPB (“Công ty”) xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% tại Báo cáo tài chính Bán niên năm 2026 so với Bán niên năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Bán niên Năm 2026	Bán niên Năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ so sánh
Lợi nhuận sau thuế	3.627.154.491	(974.791.907)	4.601.946.398	472,1%

Chênh lệch là do nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Doanh thu hoạt động và doanh thu tài chính tăng: 5.588.660.098 đồng, nguyên nhân là do trong kỳ hoạt động tự doanh và quản lý danh mục đầu tư của công ty phát triển nên doanh thu tăng;
- Chi phí hoạt động, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính tăng: 1.018.173.605 đồng, điều này là do trong kỳ công ty mở rộng quy mô kinh doanh nên chi phí tăng.

Trên đây Công ty xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% tại Báo cáo tài chính Bán niên năm 2026 so với Bán niên năm 2025 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên kính gửi;
- Lưu VT;
- Lưu KSNB.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồ Nga